

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ
CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 14 - 43 |
| 8. Phụ lục | 44 - 49 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn theo Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301307933, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 28) 38.547.100
- Fax : (84 - 28) 38.555.682

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Giồng Cholimex - Ninh Thuận | Lô B, Khu Sản xuất tôm giống, Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận. |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Thương mại Cholimex | 631 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh. |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán thủy hải sản;
- Bán buôn đồ uống;
- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc và hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quây sạp. Kinh doanh địa ốc. Kinh doanh cho thuê văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, nhà nghỉ, khách sạn. Cho thuê nhà xưởng;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi (trừ kinh doanh kho bãi);
- Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai, nước giải khát trái cây, nước giải khát có gas (không sản xuất nước giải khát ở các khu dân cư tập trung tại TP. Hồ Chí Minh);
- Dịch vụ văn phòng;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|------------------------|--------------|--------------------------|
| Bà Trần Thị Thanh Nhân | Chủ tịch | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Bùi Tuấn Ngọc | Phó Chủ tịch | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Huỳnh An Trung | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lê Duy Hiệp | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Bùi Minh Tuấn | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Quang Thanh | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Võ Văn Thân | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| Bà Lê Thị Nguyệt Hằng | Trưởng ban | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lê Văn Hùng | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Bà Phan Quỳnh Anh | Thành viên | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Huỳnh An Trung | Tổng Giám đốc | Ngày 15 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lưu Thanh Danh | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 30 tháng 7 năm 2021 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh An Trung - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022



Số: 1.1396/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”), và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) đang chờ phê duyệt quyết toán chuyển thể chính thức của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm này có thể sẽ thay đổi khi quyết toán chuyển thể chính thức được duyệt.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 146.656.720.243 | 158.825.185.315 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 28.380.723.572 | 20.729.905.385 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 28.380.723.572 | 20.729.905.385 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 81.900.000.000 | 103.200.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 81.900.000.000 | 103.200.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 29.713.797.178 | 25.767.034.384 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 28.065.522.756 | 22.118.555.214 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 4.628.320.766 | 5.465.322.566 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 8.493.914.153 | 9.957.117.101 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (12.236.793.300) | (12.536.793.300) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 762.832.803 | 762.832.803 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 6.391.122.852 | 8.758.732.793 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 6.391.122.852 | 8.758.732.793 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 271.076.641 | 369.512.753 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 171.151.514 | 229.079.645 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 98.433.108 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 99.925.127 | 42.000.000 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.981.983.663.105 | 1.972.707.956.644 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.310.000.000 | 1.310.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.310.000.000 | 1.310.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 81.498.689.322 | 85.712.136.552 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 81.168.348.893 | 85.346.824.253 |
| - Nguyên giá | 222 | | 194.475.706.528 | 195.437.116.336 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (113.307.357.635) | (110.090.292.083) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 330.340.429 | 365.312.299 |
| - Nguyên giá | 228 | | 762.230.000 | 762.230.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (431.889.571) | (396.917.701) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.11 | 761.346.372.883 | 775.484.269.565 |
| - Nguyên giá | 231 | | 1.249.234.821.687 | 1.244.837.159.519 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (487.888.448.804) | (469.352.889.954) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 322.427.351.867 | 322.490.982.301 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 322.427.351.867 | 322.490.982.301 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 796.124.048.965 | 768.172.796.567 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 774.377.982.165 | 746.426.729.767 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 21.746.066.800 | 21.746.066.800 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 19.277.200.068 | 19.537.771.659 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 15.246.593.947 | 15.403.816.663 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 4.030.606.121 | 4.133.954.996 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.128.640.383.348 | 2.131.533.141.959 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 640.772.545.448 | 726.731.282.508 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 44.227.369.650 | 117.244.375.854 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 1.295.459.397 | 3.503.279.617 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 1.472.103.901 | 1.906.858.490 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 12.105.284.201 | 11.897.296.067 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 7.335.676.653 | 3.912.187.318 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 1.519.000.720 | 284.251.041 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 4.823.457.052 | 81.474.914.085 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 11.660.596.656 | 9.845.334.958 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | 4.015.791.070 | 4.420.254.278 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 596.545.175.798 | 609.486.906.654 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.21 | 513.108.956.347 | 521.437.779.787 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 38.861.990.575 | 37.892.207.347 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 36.688.354.307 | 41.901.738.273 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | V.22 | 7.885.874.569 | 8.255.181.247 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.487.867.837.900 | 1.404.801.859.451 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.487.867.837.900 | 1.404.801.859.451 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.23 | 866.000.000.000 | 866.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 866.000.000.000 | 866.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.23 | 174.699.119.956 | 86.976.785.631 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.23 | 449.980.501.844 | 454.777.824.818 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 357.760.812.923 | 454.777.824.818 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 92.219.688.921 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.23 | (2.811.783.900) | (2.952.750.998) |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.128.640.383.348 | 2.131.533.141.959 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022


Trần Thị Hạnh
Người lập
Võ Văn Đây
Kế toán trưởng
Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 299.410.477.822 | 233.718.390.332 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 200.753.608 | 24.801.654 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 299.209.724.214 | 233.693.588.678 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 227.447.720.805 | 161.776.937.093 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 71.762.003.409 | 71.916.651.585 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 2.908.545.943 | 3.278.216.893 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 1.826.313.610 | 2.157.182.740 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.826.313.610 | 2.157.182.740 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2b | 58.864.024.997 | 47.946.212.576 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 5.748.218.443 | 6.280.967.783 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 24.010.764.473 | 21.389.396.077 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 101.949.277.823 | 93.313.534.454 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 397.628.078 | 17.335.745 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 41.001.537 | 357.956 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 356.626.541 | 16.977.789 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 102.305.904.364 | 93.330.512.243 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 9.841.899.470 | 9.689.283.062 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | 103.348.875 | 103.348.875 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>92.360.656.019</u> | <u>83.537.880.306</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | V.23 | 92.219.688.921 | 83.375.700.531 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | V.23 | 140.967.098 | 162.179.775 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | <u>1.001</u> | <u>926</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | <u>1.001</u> | <u>926</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022


Trần Thị Hạnh
Người lập

Võ Văn Đầy
Kế toán trưởngHuỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|--------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 102.305.904.364 | 93.330.512.243 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11, V.22 | 22.676.618.386 | 22.579.855.097 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | (300.000.000) | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | V.2b, VI.4, VI.7 | (61.658.196.416) | (51.181.196.564) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 1.826.313.610 | 2.157.182.740 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 64.850.639.944 | 66.886.353.516 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (4.914.690.516) | (367.980.168) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 2.583.442.441 | (2.783.958.668) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (82.806.122.855) | (84.944.286.371) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 215.150.847 | 689.761.232 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.826.313.610) | (2.157.182.740) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (9.457.726.206) | (8.593.130.429) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.20, V.22, V.23 | (6.634.973.633) | (8.277.853.835) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (37.990.593.588) | (39.548.277.463) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.12 V.18a, VII | (4.621.046.914) | (6.415.209.002) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, VI.7 | 562.037.037 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2a | (12.400.000.000) | (41.600.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2a | 33.700.000.000 | 23.500.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | (3.550.000.000) | (1.555.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.2b, V.5a, VI.4 | 35.348.543.920 | 27.979.669.633 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 49.039.534.043 | 1.909.460.631 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19b | 1.777.176.060 | 4.798.678.010 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19a | (5.175.298.328) | (4.520.298.328) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (3.398.122.268) | 278.379.682 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 7.650.818.187 | (37.360.437.150) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 20.729.905.385 | 88.641.682.822 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 28.380.723.572 | 51.281.245.672 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022


Trần Thị Hạnh
Người lập


Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng


Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quầy sạp; Kinh doanh cho thuê văn phòng; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ cho thuê kho bãi; Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn thực phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc | Lô A59/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. | Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất, mua bán điện năng; Khai thác, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất; Đại lý kinh doanh xăng dầu. | 100,00% | 100,00% | 100,00% | 100,00% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex ⁽ⁱ⁾ | Lô C71/II Đường số 6, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. | 75,03% | 75,03% | 75,03% | 75,03% |

⁽ⁱ⁾ Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex được đổi tên từ Công ty Cổ phần May Cholimex (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi ngày 20 tháng 5 năm 2021).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex | Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. | Sản xuất, chế biến, gia công và mua bán thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy sản các loại, nuôi trồng thủy hải sản. | 40,72% | 40,72% | 40,72% | 40,72% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức | Áp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. | Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. | 24,00% | 24,00% | 24,00% | 24,00% |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình | 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. | Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá. | 20,05% | 20,05% | 20,05% | 20,05% |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành | Lô II.11, Đường số 5, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. | 36,00% | 36,00% | 36,00% | 36,00% |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc | Một phần lô I.9, Đường số 5, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. | 35,50% | 35,50% | 35,50% | 35,50% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 200 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 204 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 14 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 06 - 25 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 15 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất | 37 - 50 |
| Nhà | 08 - 50 |
| Cơ sở hạ tầng | 10 - 37 |

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ do Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định (tối đa 10% thu nhập tính thuế trong năm) và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

17. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

18. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

19. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 2.641.166.073 | 3.422.063.208 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 25.739.557.499 | 17.307.842.177 |
| Cộng | 28.380.723.572 | 20.729.905.385 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ⁽ⁱ⁾ | 296.820.000.000 | 204.745.759.390 | 501.565.759.390 | 296.820.000.000 | 184.096.255.239 | 480.916.255.239 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình ⁽ⁱⁱ⁾ | 174.066.016.200 | 26.110.377.593 | 200.176.393.793 | 174.066.016.200 | 23.927.373.794 | 197.993.389.994 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 8.345.420.098 | 50.039.530.546 | 58.384.950.644 | 8.345.420.098 | 47.891.454.500 | 56.236.874.598 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành ^(iv) | 8.568.000.000 | (4.972.121.662) | 3.595.878.338 | 8.568.000.000 | (4.392.790.064) | 4.175.209.936 |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc ^(v) | 10.655.000.000 | - | 10.655.000.000 | 7.105.000.000 | - | 7.105.000.000 |
| Cộng | 498.454.436.298 | 275.923.545.867 | 774.377.982.165 | 494.904.436.298 | 251.522.293.469 | 746.426.729.767 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304475742 ngày 19 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex số tiền 41.820.000.000 VND, nắm giữ 3.298.000 cổ phiếu, tương đương 40,72% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 296.820.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301464904 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình số tiền 23.110.010.000 VND, nắm giữ 4.622.002 cổ phiếu, tương đương 19,26% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 101.684.044.000 VND, tuy nhiên theo Báo cáo kiểm toán ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước thì khoản đầu tư này được định giá lại tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 139.122.260.200 VND. Năm 2017, Tập đoàn mua thêm 671.100 cổ phiếu với giá mua đã trừ cổ tức được chia là 17.640.956.000 VND. Năm 2019, Tập đoàn mua thêm 721.786 cổ phiếu với giá mua đã trừ cổ tức được chia là 17.302.800.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 6.014.888 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình với giá trị đầu tư là 174.066.016.200 VND, tương đương 20,05% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100839263 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức số tiền 28.800.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này của Tập đoàn được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 8.345.420.098 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315958861 ngày 14 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành số tiền 30.960.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 8.568.000.000 VND, tương đương 9,96% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành là 22.392.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316114557 ngày 16 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc số tiền 95.140.000.000 VND, tương đương 35,5% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tập đoàn góp vốn thêm với số tiền là 3.550.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc số tiền 10.655.000.000 VND, nắm giữ 1.065.500 cổ phiếu, tương đương 3,98% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc là 84.485.000.000 VND

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành: đang trong quá trình xây dựng nhà hàng.
- Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc: đang trong giai đoạn xin giấy phép chưa tiến hành hoạt động.
- Các công ty liên kết còn lại hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex | | |
| Mua hàng | 1.037.772.610 | 1.211.317.512 |
| Doanh thu cho thuê kho | 2.880.000.000 | 2.669.264.516 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.195.006.381 | 3.925.376.606 |
| Phí quản lý nhãn hiệu hàng hóa | 80.000.000 | 80.000.000 |
| Bán hàng | 289.484.274 | 137.001.817 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức | | |
| Bán hàng | 23.765.912 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành | | |
| Doanh thu cho thuê đất | 773.455.878 | - |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 58.071.300 | 58.289.700 |
| Doanh thu dịch vụ | 10.348.800 | 11.268.600 |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc | | |
| Doanh thu cho thuê đất | 2.691.206.268 | - |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 19.950.000 | - |
| Doanh thu dịch vụ | 3.133.200 | - |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------|----------|----------------|-----------------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex ⁽ⁱ⁾ | 2.382.866.800 | - | - | 2.382.866.800 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | - | - | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long ^(iv) | 19.363.200.000 | - | - | 19.363.200.000 | - | - |
| Cộng | 21.746.066.800 | - | - | 21.746.066.800 | - | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305412784 ngày 29 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex số tiền 5.502.000.000 VND, nắm giữ 550.200 cổ phiếu, tương đương 18,34% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này của Tập đoàn được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 2.382.866.800 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311461726 ngày 03 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn số tiền 2.000.000.000 VND, nắm giữ 200.000 cổ phiếu, tương đương 15,38% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này của Tập đoàn được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 0 VND.

(iii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn số tiền 690.360.000 VND, nắm giữ 12.000 cổ phiếu. Khoản đầu tư này của Tập đoàn được xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 0 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900989442 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 08 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp, Tập đoàn nắm giữ 179.600 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long với giá trị đầu tư là 19.363.200.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>8.077.259.765</i> | <i>4.893.404.620</i> |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex | 1.037.810.934 | 818.083.726 |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc | 7.029.903.855 | 4.075.320.894 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức | 7.091.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành | 2.453.976 | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>19.988.262.991</i> | <i>17.225.150.594</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex | 2.110.485.587 | 2.410.485.587 |
| Các khách hàng khác | 17.877.777.404 | 14.814.665.007 |
| Cộng | <u>28.065.522.756</u> | <u>22.118.555.214</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Công nghệ Môi trường Bách Khoa | 1.244.325.890 | 4.798.678.010 |
| Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) | 1.689.580.000 | 2.780.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel | 857.171.900 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 837.242.976 | 663.864.556 |
| Cộng | <u>4.628.320.766</u> | <u>5.465.322.566</u> |

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu | 1.882.116.163 | - | 3.258.249.039 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 23.000.000 | - | 23.000.000 | - |
| Tạm ứng | 355.567.036 | - | 123.085.833 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex - Phải thu khác | 4.696.233.995 | (4.696.233.995) | 4.696.233.995 | (4.696.233.995) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.536.996.959 | (727.371.137) | 1.856.548.234 | (1.122.856.258) |
| Cộng | <u>8.493.914.153</u> | <u>(5.423.605.132)</u> | <u>9.957.117.101</u> | <u>(5.819.090.253)</u> |

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nợ vay phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 93/2020/HĐTD-ĐTTC-TD ký kết ngày 26 tháng 10 năm 2020 với Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (bên liên quan) (xem thuyết minh số V.19b).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Chợ Lớn - Phải thu tiền bán hàng | Trên 03 năm | 1.197.357.963 | - | Trên 03 năm | 1.197.357.963 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Chợ Lớn - Phải thu khác | Trên 03 năm | 481.856.461 | - | Trên 03 năm | 481.856.461 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex - Phải thu tiền bán hàng | Trên 03 năm | 2.110.485.587 | - | Trên 03 năm | 2.410.485.587 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex - Phải thu khác | Trên 03 năm | 4.696.233.995 | - | Trên 03 năm | 4.696.233.995 | - |
| Công ty TNHH May DE.M.CO.VINA | Trên 03 năm | 1.241.784.628 | - | Trên 03 năm | 1.241.784.628 | - |
| Công ty Cổ phần Anh Khoa | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 331.308.264 | 165.654.132 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 331.308.264 | 165.654.132 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Trên 03 năm | 2.343.420.534 | - | Trên 03 năm | 2.343.420.534 | - |
| Cộng | | 12.402.447.432 | 165.654.132 | | 12.702.447.432 | 165.654.132 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 12.536.793.300 | 14.236.387.123 |
| Hoàn nhập dự phòng | (300.000.000) | - |
| Số cuối kỳ | 12.236.793.300 | 14.236.387.123 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng đi đường | 1.311.509.089 | - | 2.812.770.460 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 216.984.650 | - | 170.108.425 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 199.562.647 | - | 236.373.350 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 251.492.650 | - | 181.470.500 | - |
| Thành phẩm | - | - | 577.276.560 | - |
| Hàng hóa | 4.411.573.816 | - | 4.780.733.498 | - |
| Cộng | 6.391.122.852 | - | 8.758.732.793 | - |

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | - | 75.118.396 |
| Chi phí sửa chữa | 87.739.221 | 82.117.851 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 83.412.293 | 71.843.398 |
| Cộng | 171.151.514 | 229.079.645 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 655.112.341 | 423.335.740 |
| Chi phí sửa chữa | 3.099.701.018 | 2.204.169.660 |
| Lợi thế kinh doanh | 11.419.993.938 | 12.752.311.263 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 71.786.650 | 24.000.000 |
| Cộng | 15.246.593.947 | 15.403.816.663 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 115.889.331.532 | 62.695.106.664 | 15.330.984.604 | 1.521.693.536 | 195.437.116.336 |
| Mua trong kỳ | - | 39.755.455 | - | - | 39.755.455 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 598.834.737 | - | - | 598.834.737 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.600.000.000) | - | - | (1.600.000.000) |
| Số cuối kỳ | 115.889.331.532 | 61.733.696.856 | 15.330.984.604 | 1.521.693.536 | 194.475.706.528 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 26.853.530.963 | 6.113.424.759 | 680.148.610 | 33.647.104.332 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 53.120.480.465 | 46.618.867.200 | 9.200.668.450 | 1.150.275.968 | 110.090.292.083 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.496.136.746 | 1.228.843.611 | 502.127.508 | 58.291.025 | 4.285.398.890 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.068.333.338) | - | - | (1.068.333.338) |
| Số cuối kỳ | 55.616.617.211 | 46.779.377.473 | 9.702.795.958 | 1.208.566.993 | 113.307.357.635 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 62.768.851.067 | 16.076.239.464 | 6.130.316.154 | 371.417.568 | 85.346.824.253 |
| Số cuối kỳ | 60.272.714.321 | 14.954.319.383 | 5.628.188.646 | 313.126.543 | 81.168.348.893 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các khoản thu được từ khu đất thuộc dự án Trung tâm Hành chính Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 13.450.442.560 VND và 8.009.242.062 VND được thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 762.230.000 | 396.917.701 | 365.312.299 |
| Khấu hao trong năm | | 34.971.870 | |
| Số cuối kỳ | 762.230.000 | 431.889.571 | 330.340.429 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 202.680.000 | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Quyền sử dụng đất | Nhà | Cơ sở hạ tầng | Cộng |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 324.422.545.835 | 504.178.859.117 | 416.235.754.567 | 1.244.837.159.519 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 151.854.974 | 4.245.807.194 | 4.397.662.168 |
| Số cuối kỳ | 324.422.545.835 | 504.330.714.091 | 420.481.561.761 | 1.249.234.821.687 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 47.607.649.361 | 144.753.779.989 | 276.991.460.604 | 469.352.889.954 |
| Khấu hao trong kỳ | 4.298.617.710 | 8.509.409.796 | 5.727.531.344 | 18.535.558.850 |
| Số cuối kỳ | 51.906.267.071 | 153.263.189.785 | 282.718.991.948 | 487.888.448.804 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 276.814.896.474 | 359.425.079.128 | 139.244.293.963 | 775.484.269.565 |
| Số cuối kỳ | 272.516.278.764 | 351.067.524.306 | 137.762.569.813 | 761.346.372.883 |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--|-----------------|----------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất tại 1368 Võ Văn Kiệt, Phường 13, Quận 5 | 26.706.606.000 | 4.102.115.046 | 22.604.490.954 |
| Nhà văn phòng | 31.769.897.504 | 4.286.259.307 | 27.483.638.197 |
| Trại tôm giống Ninh Thuận | 6.529.855.017 | 1.620.315.162 | 4.909.539.855 |
| Kho hàng tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc | 9.475.726.560 | 7.082.671.184 | 2.393.055.376 |
| Cơ sở hạ tầng | 218.480.425 | 175.217.991 | 43.262.434 |
| Khu kho xưởng cho thuê đường số 5 (Kho ngoại quan cũ) | 32.406.938.405 | 16.799.149.509 | 15.607.788.896 |
| Khu nhà kho – Xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 1) | 19.338.097.443 | 10.568.440.620 | 8.769.656.823 |
| Khu nhà xưởng 01ha (giai đoạn 2) | 15.480.969.000 | 8.200.741.466 | 7.280.227.534 |
| Khu nhà xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 3) | 15.374.353.012 | 8.141.855.150 | 7.232.497.862 |
| Khu nhà xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 4) | 16.523.487.606 | 8.435.019.629 | 8.088.467.977 |
| Khu nhà xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 5) | 13.885.555.308 | 3.335.482.021 | 10.550.073.287 |
| Khu nhà xưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex | 19.771.712.746 | 11.099.607.173 | 8.672.105.573 |
| Khu lưu trú công nhân | 159.014.906.253 | 37.948.927.718 | 121.065.978.535 |
| Bãi xe, nhà xe Trung tâm Hành chính Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc | 1.771.802.800 | 942.227.081 | 829.575.719 |
| Xưởng chế biến thức ăn công nghiệp | 3.739.590.760 | 2.098.703.516 | 1.640.887.244 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Siêu thị mini Vĩnh Lộc | 687.300.000 | 396.403.520 | 290.896.480 |
| Xưởng nước tinh khiết | 3.587.054.410 | 2.080.468.412 | 1.506.585.998 |
| Hội quán công nhân | 3.206.060.400 | 1.714.151.395 | 1.491.909.005 |
| Trung tâm Hành chính Khu công nghiệp Vĩnh Lộc | 27.141.105.583 | 10.473.573.635 | 16.667.531.948 |
| Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp (Hạng mục đèn bù, san nền; Hệ thống đường giao thông; Hạ tầng kỹ thuật) | 680.096.408.963 | 328.428.978.154 | 351.667.430.809 |
| Đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước khu công nghiệp | 20.657.879.586 | 2.447.105.721 | 18.210.773.865 |
| Tiền thuê đất | 11.755.084.590 | 1.399.001.125 | 10.356.083.465 |
| Hạ tầng kinh doanh | 5.471.572.805 | 240.643.552 | 5.230.929.253 |
| Nhà xưởng cho thuê L1 | 4.498.069.582 | 762.698.650 | 3.735.370.932 |
| Nhà xưởng cho thuê L2 | 13.073.724.208 | 2.215.903.743 | 10.857.820.465 |
| Nhà xưởng cho thuê L3 | 5.701.085.958 | 995.221.918 | 4.705.864.040 |
| Nhà xưởng cho thuê L4 | 8.724.882.737 | 1.552.110.833 | 7.172.771.904 |
| Nhà xưởng cho thuê L5 | 7.770.452.257 | 1.386.042.002 | 6.384.410.255 |
| Nhà xưởng cho thuê L6 | 47.184.737.371 | 4.998.196.949 | 42.186.540.422 |
| Nhà xưởng cho thuê L7 | 19.842.406.505 | 2.080.554.352 | 17.761.852.153 |
| Nhà xưởng cho thuê L8 | 8.310.973.513 | 872.319.214 | 7.438.654.299 |
| Nhà xưởng NX3L2 | 9.518.044.380 | 1.008.343.056 | 8.509.701.324 |
| Cộng | <u>1.249.234.821.687</u> | <u>487.888.448.804</u> | <u>761.346.372.883</u> |

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và các khoản thu được từ khu đất thuộc dự án Khu nhà xưởng cho thuê (L1, L3, L4), Trung tâm Hành chính Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Khu nhà xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 5) và Khu nhà xưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex với nguyên giá là 96.061.100.435 VND và giá trị còn lại là 71.145.826.134 VND được thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b).

Nhà xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 3), Khu nhà xưởng 01 ha (giai đoạn 2), Khu nhà kho - Xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 1) với nguyên giá là 50.133.601.983 VND và giá trị còn lại là 23.282.382.219 VND được thế chấp cho khoản vay của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19b).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi chưa thực hiện do bán tài sản nội bộ trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---------------------------------|--|-----------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 4.133.954.996 | 4.340.652.746 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (103.348.875) | (103.348.875) |
| Số cuối kỳ | <u>4.030.606.121</u> | <u>4.237.303.871</u> |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng được chuyển các năm sau như sau:

| | |
|----------------------|-----------------------|
| Năm 2018 | 12.166.459.009 |
| Năm 2019 | 9.460.949.434 |
| Năm 2020 | 12.734.822.309 |
| Năm 2021 | 8.189.225.735 |
| 6 tháng đầu năm 2022 | 4.969.774.618 |
| Cộng | 47.521.231.105 |

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | <i>16.746.208</i> | - |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex | 16.746.208 | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>1.278.713.189</i> | <i>3.503.279.617</i> |
| Công ty Cổ phần Cơ Điện Liên Thành Việt Nam | - | 932.192.051 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.278.713.189 | 2.571.087.566 |
| Cộng | 1.295.459.397 | 3.503.279.617 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Ông Trần Quang Thái | 177.834.024 | 177.834.024 |
| Công ty TNHH Mugegawa Seiko Việt Nam | - | 1.186.111.674 |
| Công ty TNHH Công nghiệp Bao bì ViSingPack | 208.190.580 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Chế biến Thực phẩm Vĩnh Lộc | 147.842.200 | - |
| Các khách hàng khác | 938.237.097 | 542.912.792 |
| Cộng | 1.472.103.901 | 1.906.858.490 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|----------------------------|-----------------------|-------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Số thuế được hoàn</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.369.354.758 | - | 7.784.317.529 | (6.513.993.465) | - | 2.697.603.949 | 57.925.127 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.783.011.430 | 42.000.000 | 9.841.899.470 | (9.457.726.206) | - | 8.167.184.694 | 42.000.000 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.217.330.618 | - | 1.300.093.636 | (3.219.622.430) | (6.091.030) | 291.710.794 | - |
| Thuế tài nguyên | 105.111.910 | - | 610.982.851 | (615.797.348) | - | 100.297.413 | - |
| Thuế nhà đất | 65.209.016 | - | 86.838.185 | (86.838.185) | - | 65.209.016 | - |
| Các loại thuế khác | 357.278.335 | - | 1.124.014.112 | (698.014.112) | - | 783.278.335 | - |
| Cộng | 11.897.296.067 | 42.000.000 | 20.748.145.783 | (20.591.991.746) | (6.091.030) | 12.105.284.201 | 99.925.127 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0%
- Hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022 05% hoặc 10%
- Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 áp dụng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ hàng hóa dịch vụ có các loại thuế suất khác nhau 05%, 08% hoặc 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm với thuế suất 05%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của Cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 118.058.863 | - |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh | | |
| - Lãi vay phải trả vốn hóa vào dự án | 118.058.863 | - |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 4.705.398.189 | 81.474.914.085 |
| Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Huệ Linh | - | 6.294.942.000 |
| Phí duy tu cơ sở hạ tầng | 3.177.743.788 | 3.849.469.498 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 125.000.000 | 125.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 26.630.673 | 22.330.673 |
| Cổ tức phải trả | 121.401.286 | 121.401.286 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 80.403.931 | 69.611.542.154 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 277.382.963 | - |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải trả | 304.000.000 | 586.960.002 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 592.835.548 | 863.268.472 |
| Cộng | 4.823.457.052 | 81.474.914.085 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan | 2.620.000.000 | 804.738.302 |
| Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19b) | 2.620.000.000 | 804.738.302 |
| Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác | 9.040.596.656 | 9.040.596.656 |
| Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b) | 9.040.596.656 | 9.040.596.656 |
| Cộng | <u>11.660.596.656</u> | <u>9.845.334.958</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 9.845.334.958 | 9.040.596.656 |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | 6.990.560.026 | 7.140.298.328 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(5.175.298.328)</u> | <u>(4.520.298.328)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>11.660.596.656</u> | <u>11.660.596.656</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

19b. Vay dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn phải trả bên liên quan | 3.300.854.070 | 3.993.939.708 |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾ | 3.300.854.070 | 3.993.939.708 |
| Vay dài hạn phải trả tổ chức khác | 33.387.500.237 | 37.907.798.565 |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 33.387.500.237 | 37.907.798.565 |
| Cộng | <u>36.688.354.307</u> | <u>41.901.738.273</u> |

- (i) Khoản vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh để tài trợ dự án “Mở rộng, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc thêm công suất 2.500 m³/ngày đêm” với hạn mức vay tối đa là 15.625.000.000 VND, thời hạn vay 84 tháng trong đó thời gian ân hạn trả nợ gốc là 12 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đợt đầu tiên (21/01/2021). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số giấy chứng nhận lần lượt là BK 704991, BK 704992 và BK 704994 (xem thuyết minh số V.11) và ký quỹ (xem thuyết minh số V.5b).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để tài trợ xây kho và cửa hàng xăng dầu tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với diện tích thế chấp là 34.506,30 m² tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, theo các Giấy chứng nhận QSDĐ số: BP 443710, CI 861457, CV 240041, CV 240043, CV 405188 và CE 750814 và tài sản gắn liền với đất và các khoản thu được từ khu đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc bao gồm Khu nhà xưởng cho thuê (L1, L3, L4), Trung tâm Hành chính Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Khu nhà xưởng tiêu chuẩn (giai đoạn 5) và Khu nhà xưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại Cholimex (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 11.660.596.656 | 9.845.334.958 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 36.688.354.307 | 41.126.751.778 |
| Trên 05 năm | - | 774.986.495 |
| Cộng | <u>48.348.950.963</u> | <u>51.747.073.231</u> |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 41.901.738.273 | 46.948.395.221 |
| Số tiền vay phát sinh | 1.777.176.060 | 4.798.678.010 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (6.990.560.026) | (7.140.298.328) |
| Số cuối kỳ | <u>36.688.354.307</u> | <u>44.606.774.903</u> |

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 4.420.254.278 | 8.402.329.557 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 5.504.167.942 | 8.392.369.161 |
| Chi quỹ trong kỳ | (5.908.631.150) | (8.201.689.835) |
| Số cuối kỳ | <u>4.015.791.070</u> | <u>8.593.008.883</u> |

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan | <u>28.575.975.634</u> | <u>29.035.642.802</u> |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex - Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư | 28.575.975.634 | 29.035.642.802 |
| Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức | <u>484.532.980.713</u> | <u>492.402.136.985</u> |
| Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn - Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư | 53.926.280.077 | 54.294.013.299 |
| Các khách hàng khác - Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư | 430.606.700.636 | 438.108.123.686 |
| Cộng | <u>513.108.956.347</u> | <u>521.437.779.787</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

| | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản | |
|--|--------------------------------------|--|----------------------|
| | | cố định | Cộng |
| Số đầu năm | 5.879.983.182 | 2.375.198.065 | 8.255.181.247 |
| Hao mòn tài sản cố định | - | (179.311.224) | (179.311.224) |
| Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ | (189.995.454) | - | (189.995.454) |
| Số cuối kỳ | <u>5.689.987.728</u> | <u>2.195.886.841</u> | <u>7.885.874.569</u> |

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh | 424.340.000.000 | 424.340.000.000 |
| Công ty Cổ phần Transimex | 289.671.000.000 | 303.280.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa Việt | - | 72.123.470.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư New Asia | 13.255.100.000 | - |
| Các cổ đông khác | 138.733.900.000 | 66.256.530.000 |
| Cộng | <u>866.000.000.000</u> | <u>866.000.000.000</u> |

23c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 86.600.000 | 86.600.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 86.600.000 | 86.600.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 86.600.000 | 86.600.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 86.600.000 | 86.600.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 86.600.000 | 86.600.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-CHOLIMEX-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Công ty mẹ, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty mẹ như sau:

| | |
|---|------------------------------|
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 4.195.192.602 |
| • Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 1.308.975.340 |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển | 87.722.334.325 |
| Cộng | <u>93.226.502.267</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 21.514.848 | 21.514.848 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 86.059.392 | 86.059.392 |
| Trên 05 năm | 398.024.688 | 408.782.112 |
| Cộng | 505.598.928 | 516.356.352 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 283 m² đất tại 629B Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.033.602 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Tổng số tiền thuê 2.711 m² đất tại 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 19.481.246 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.

24b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 215,79 USD (số đầu năm là 222,39 USD).

24c. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản phải thu được xóa sổ do không có khả năng thu hồi như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Trương Hùng | 881.083.868 | 881.083.868 |
| Ông Nguyễn Văn Chín | 87.126.749 | 87.126.749 |
| Ông Trần Minh Hiếu | 43.000.000 | 43.000.000 |
| Công ty TNHH Thiện Ân | 8.732.498.580 | 8.732.498.580 |
| Công ty TNHH Toàn Thành | 2.437.717.222 | 2.437.717.222 |
| Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Tân Sanh | 1.244.354.847 | 1.244.354.847 |
| Công ty TNHH Minh Việt Long | 1.166.839.840 | 1.166.839.840 |
| Các khách hàng khác | 4.506.644.649 | 4.506.644.649 |
| Cộng | 19.099.265.755 | 19.099.265.755 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 190.711.013.902 | 135.949.043.418 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 39.142.275.192 | 34.367.164.792 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư ⁽ⁱ⁾ | 69.557.188.728 | 63.402.182.122 |
| Cộng | 299.410.477.822 | 233.718.390.332 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư | 69.557.188.728 | 63.402.182.122 |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | 21.309.261.197 | 20.512.952.191 |
| Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư | 48.247.927.531 | 42.889.229.931 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán | 182.682.115.815 | 123.723.608.031 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 23.456.343.793 | 17.540.376.871 |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 21.309.261.197 | 20.512.952.191 |
| Cộng | 227.447.720.805 | 161.776.937.093 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 2.763.801.044 | 3.234.983.988 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 14.954.396 | 39.394.214 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 103.842.000 | - |
| Lãi chậm thanh toán | 25.948.503 | 3.838.691 |
| Cộng | 2.908.545.943 | 3.278.216.893 |

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.604.063.585 | 3.916.413.110 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 88.597.557 | 138.990.347 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 569.049.118 | 616.154.605 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.098.750.917 | 1.191.535.011 |
| Các chi phí khác | 387.757.266 | 417.874.710 |
| Cộng | 5.748.218.443 | 6.280.967.783 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 15.890.353.859 | 13.488.614.268 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 790.101.342 | 840.613.859 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 954.335.605 | 961.793.647 |
| Thuế, phí và lệ phí | 40.816.206 | 47.369.986 |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | (300.000.000) | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.707.905.964 | 4.006.893.075 |
| Các chi phí khác | 2.927.251.497 | 2.044.111.242 |
| Cộng | 24.010.764.473 | 21.389.396.077 |

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 30.370.375 | - |
| Thu nhập khác | 367.257.703 | 17.335.745 |
| Cộng | 397.628.078 | 17.335.745 |

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 92.219.688.921 | 83.375.700.531 |
| Dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng người quản lý doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thông qua | (5.533.181.335) | (3.168.750.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 86.686.507.586 | 80.206.950.531 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 86.600.000 | 86.600.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.001 | 926 |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại thời điểm cuối kỳ, công nợ phải trả và ứng trước liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Phải trả về mua sắm tài sản cố định | 3.195.274.833 | 4.532.325.102 |
| Ứng trước mua tài sản | 3.075.930.283 | 4.646.496.701 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 5.849.393.020 | 6.860.982.153 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 3.426.200.000 | 3.622.455.785 |
| Cộng | <u>9.275.593.020</u> | <u>10.483.437.938</u> |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập tiền lương và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 3.242.206.869 VND (cùng kỳ năm trước là 3.158.874.939 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|---|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh | Đại diện cổ đông Nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5b, V.14, V.18a, V.19 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của loại hình kinh doanh và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê;
- Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm;
- Lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.


4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Thông tin khác

Theo kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước có yêu cầu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa trên cơ sở kết quả kiểm toán trình Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần làm căn cứ để Công ty thực hiện nộp ngân sách Nhà nước theo quy định và điều chỉnh báo cáo quyết toán cổ phần hóa. Hiện nay Công ty đã hoàn thành việc nộp ngân sách Nhà nước trên cơ sở kết quả kiểm toán của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022


Trần Thị Hạnh
Người lập


Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng


Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Mua trong kỳ | Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ | Cổ tức được chia trong kỳ | Giảm do công ty liên kết trích lập quỹ và chi khác từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|---|-----------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------|---|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex | 480.916.255.239 | - | 39.913.186.178 | (16.490.000.000) | (2.773.682.027) | 501.565.759.390 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình | 197.993.389.994 | - | 9.795.134.379 | (7.518.610.000) | (93.520.580) | 200.176.393.793 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức | 56.236.874.598 | - | 9.735.036.038 | (7.200.000.000) | (386.959.992) | 58.384.950.644 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành | 4.175.209.936 | - | (579.331.598) | - | - | 3.595.878.338 |
| Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc | 7.105.000.000 | 3.550.000.000 | - | - | - | 10.655.000.000 |
| Cộng | 746.426.729.767 | 3.550.000.000 | 58.864.024.997 | (31.208.610.000) | (3.254.162.599) | 774.377.982.165 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022



Trần Thị Hạnh
Người lập



Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng



Huyền An Trung
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ | Kết chuyển vào bất động sản đầu tư trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|----------------------------|---|---|------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | - | - | - | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 322.490.982.301 | 5.996.938.885 | (598.834.737) | (4.397.662.168) | (1.064.072.414) | 322.427.351.867 |
| <i>Dự án Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng</i> | <i>139.527.622.465</i> | - | - | - | - | <i>139.527.622.465</i> |
| <i>Dự án Khu Dân cư tái định cư Vĩnh Lộc A</i> | <i>64.057.148.723</i> | - | - | - | - | <i>64.057.148.723</i> |
| <i>Dự án Cao ốc phức hợp Cholimex, Nguyễn Trãi, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</i> | <i>3.310.084.263</i> | - | - | - | - | <i>3.310.084.263</i> |
| <i>Khu nhà xưởng cho thuê</i> | <i>338.003.509</i> | - | - | - | - | <i>338.003.509</i> |
| <i>Chi phí đền bù khu lưu trú 3,8ha</i> | <i>80.246.700.800</i> | - | - | - | - | <i>80.246.700.800</i> |
| <i>Chi phí đền bù, giải phóng đất nông nghiệp</i> | <i>19.097.650.000</i> | <i>55.757.493</i> | - | <i>(4.127.513.049)</i> | <i>(8.394.444)</i> | <i>15.017.500.000</i> |
| <i>Đánh giá lại nền Nguyễn Thị Tú</i> | <i>14.121.456.932</i> | - | - | - | - | <i>14.121.456.932</i> |
| <i>Mở rộng, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải thêm 2.500m3/ngày đêm</i> | <i>582.388.365</i> | <i>3.440.617.409</i> | - | - | - | <i>4.023.005.774</i> |
| <i>Điện năng lượng mặt trời Trung tâm Hành chính</i> | <i>76.363.636</i> | <i>171.096.083</i> | <i>(167.893.690)</i> | - | - | <i>79.566.029</i> |
| <i>Điện năng lượng mặt trời Lô 6 Nhà xưởng 1, Nhà xưởng 2</i> | <i>81.818.182</i> | <i>243.868.020</i> | <i>(167.441.047)</i> | - | - | <i>158.245.155</i> |
| <i>Lắp đặt hệ thống quan trắc nước dưới đất tự động lưu lượng 9.000m3/ngày đêm</i> | - | <i>315.000.000</i> | - | - | - | <i>315.000.000</i> |
| <i>Hạng mục khác</i> | <i>1.051.745.426</i> | <i>1.770.599.880</i> | <i>(263.500.000)</i> | <i>(270.149.119)</i> | <i>(1.055.677.970)</i> | <i>1.233.018.217</i> |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 87.677.678 | - | - | (87.677.678) | - |
| Cộng | 322.490.982.301 | 6.084.616.563 | (598.834.737) | (4.397.662.168) | (1.151.750.092) | 322.427.351.867 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022


Trần Thị Hạnh
Người lập

Võ Văn Đầy
Kế toán trưởngHuỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê | Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|-----------------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 69.557.188.728 | 190.510.260.294 | 39.142.275.192 | - | 299.209.724.214 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 69.557.188.728 | 190.510.260.294 | 39.142.275.192 | - | 299.209.724.214 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 48.247.927.531 | 7.828.144.479 | 15.685.931.399 | - | 71.762.003.409 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (29.758.982.916) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 42.003.020.493 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 2.908.545.943 |
| Chi phí tài chính | | | | | (1.826.313.610) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | 58.864.024.997 |
| Thu nhập khác | | | | | 397.628.078 |
| Chi phí khác | | | | | (41.001.537) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (9.841.899.470) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (103.348.875) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 92.360.656.019 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 6.597.573.524 | 547.976.154 | 649.867.169 | - | 7.795.416.847 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 19.747.598.335 | 3.319.656.273 | 682.057.225 | - | 23.749.311.833 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | 300.000.000 | - | 300.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực cho thuê | Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Kỳ trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 63.402.182.122 | 135.924.241.764 | 34.367.164.792 | - | 233.693.588.678 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 63.402.182.122 | 135.924.241.764 | 34.367.164.792 | - | 233.693.588.678 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 42.889.229.931 | 12.200.633.733 | 16.826.787.921 | - | 71.916.651.585 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (27.670.363.860) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 44.246.287.725 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | 3.278.216.893 |
| Chi phí tài chính | | | | | (2.157.182.740) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | 47.946.212.576 |
| Thu nhập khác | | | | | 17.335.745 |
| Chi phí khác | | | | | (357.956) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (9.689.283.062) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (103.348.875) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | 83.537.880.306 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 3.981.712.045 | 93.325.025 | 53.006.903 | - | 4.128.043.973 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 5.273.671.762 | 2.479.021.053 | 2.775.950.102 | - | 10.528.642.917 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Lĩnh vực cho thuê | Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|-------------------|--------------------------------------|-------------------|-----------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.085.018.050.640 | 15.785.963.397 | 3.551.198.748 | - | 1.104.355.212.785 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 1.024.285.170.563 |
| Tổng tài sản | | | | | 2.128.640.383.348 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 551.970.946.922 | 177.834.024 | 858.504.659 | - | 553.007.285.605 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 87.765.259.843 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 640.772.545.448 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.111.359.309.238 | 17.234.522.842 | 43.450.650.881 | - | 1.172.044.482.961 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 959.488.658.998 |
| Tổng tài sản | | | | | 2.131.533.141.959 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 563.265.395.843 | 612.224.738 | 862.504.660 | - | 564.740.125.241 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 161.991.157.267 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 726.731.282.508 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Hạnh
Người lập

Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng



Huyền An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|----------------------------------|---------------------------|--------------------------|---|---------------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 866.000.000.000 | - | 386.268.227.179 | (3.263.713.074) | 1.249.004.514.105 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | 83.375.700.531 | 162.179.775 | 83.537.880.306 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | 86.976.785.631 | (95.369.154.792) | - | (8.392.369.161) |
| Tăng khác | - | - | 3.711.975.468 | - | 3.711.975.468 |
| Số dư cuối kỳ trước | 866.000.000.000 | 86.976.785.631 | 377.986.748.386 | (3.101.533.299) | 1.327.862.000.718 |
| Số dư đầu năm nay | 866.000.000.000 | 86.976.785.631 | 454.777.824.818 | (2.952.750.998) | 1.404.801.859.451 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 92.219.688.921 | 140.967.098 | 92.360.656.019 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | 87.722.334.325 | (93.226.502.267) | - | (5.504.167.942) |
| Giảm khác | - | - | (3.254.162.599) | - | (3.254.162.599) |
| Chi nộp bổ sung cổ phần hóa | - | - | (536.347.029) | - | (536.347.029) |
| Số dư cuối kỳ này | 866.000.000.000 | 174.699.119.956 | 449.980.501.844 | (2.811.783.900) | 1.487.867.837.900 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Hạnh
Người lập

Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng



Huyền An Trung
Tổng Giám đốc